

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2019/DS-PT

Ngày: 26-3-2019

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Sương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2019/TLPT-DS ngày 21 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 141/2018/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện G bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 48/2019/QĐPT-DS ngày 14 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Trụ sở tại: Lầu 8, Số nhà AA, đường N, Phường 8, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Đức Thạch D là: Ông Lê Nguyễn Khôi N – Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm thẻ thuộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Nguyễn Khôi N: Ông Đặng Minh T – Trưởng phòng Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Chi nhánh Bến Tre.

- *Bị đơn: Ông Đặng Thế P, sinh năm 1978, cư trú tại: Ấp 4, xã N1, huyện G, tỉnh Bến Tre.*

- *Người kháng cáo: Ông Đặng Thế P là bị đơn.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/10/ 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 06/01/2012, ông P có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây gọi là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu thập của ông P, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông P với hạn mức sử dụng là 12.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Hạn mức tín dụng có nghĩa là mỗi lần giao dịch hoặc sử dụng chỉ được tối đa là 12.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận lãi suất trong hạn đối với ông P là 2,15% lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất ban đầu, được tính là 3,225%.

Tính từ ngày 22/8/2013 đến ngày 22/10/2017, ông P còn nợ Ngân hàng các khoản tiền sau: Nợ gốc: 13.065.325 đồng; lãi quá hạn: 21.376.490 đồng, tổng cộng là 34.441.842 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông P vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông P vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 23/8/2013 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến hết ngày 22/8/2013, Ngân hàng áp dụng lãi suất trong hạn đối với ông P theo Hợp đồng là 2,15%, sau ngày 22/8/2013 mức lãi quá hạn Ngân hàng áp dụng đối với ông P bằng 150% mức lãi suất ban đầu được tính là 3,225% mức lãi suất này áp dụng đối với số tiền 13.065.352 đồng là số tiền dư nợ đầu kỳ của ông P kể từ ngày 22/9/2013, số tiền lãi quá hạn được tính từng tháng cộng lại là 21.376.490 đồng, số tiền lãi của mỗi tháng khác nhau là do số ngày của từng tháng khác nhau.

Mặc dù, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc trực tiếp với ông P, gửi tin nhắn nhắc nợ qua điện thoại của ông P để yêu cầu ông P có trách nhiệm thanh toán nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện cho ông P về mặt thời gian nhưng ông P vẫn chưa thanh toán. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông P phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 22/10/2017 là 34.441.842 đồng (trong đó nợ gốc là 13.065.352 đồng; lãi quá hạn là 21.376.490

đồng) và số tiền lãi quá hạn phát sinh sau ngày 22/10/2017 đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất quá hạn hai bên đã thỏa thuận là 3,225%.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Đặng Thế P trình bày:

Cách đây 05 năm ông có được Ngân hàng Thương mại Cổ phần S mời làm thẻ tín dụng để mua hàng trả chậm không lãi suất tại cửa hàng K với hạn mức tín dụng là 12.000.000 đồng. Sau khi làm thẻ tín dụng, ông có sử dụng thẻ để thanh toán mua hàng nhiều lần. Tuy nhiên, sau khi mua máy lạnh tại cửa hàng K, ông thanh toán tiền thì bị tính tiền lãi nên ông có khiếu nại đến Ngân hàng thì được biết do ông vi phạm điều kiện của hợp đồng nên ông phải chịu tính lãi. Sau lần sử dụng thẻ thanh toán mua máy lạnh thì ông vẫn tiếp tục sử dụng thẻ để thanh toán một số giao dịch khác.

Ông cho rằng ký hợp đồng làm thẻ tại Ngân hàng thì ông không đọc kỹ điều khoản và không tìm hiểu kỹ về điều kiện ưu đãi khi mua hàng tại cửa hàng K nên có sơ suất. Ông thừa nhận mức lãi suất giữa ông và Ngân hàng thỏa thuận khi làm thẻ tín dụng đúng như ngân hàng trình bày là lãi suất trong hạn 2,15% lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất ban đầu được tính là 3,225%. Ngày 22/8/2013 là ngày Ngân hàng chốt số tiền nợ của ông là 13.065.352 đồng và yêu cầu ông trả nhưng ông xin trả lần dần. Lúc đó, phía ngân hàng và ông chưa thống nhất được phương thức trả nợ và hai bên không liên hệ với nhau. Đến khi ngân hàng khởi kiện thì ông có đến Trung tâm thẻ của Ngân hàng xin thương lượng đến cuối tháng 7/2018 trả số tiền 20.000.000 đồng và Ngân hàng xóa nợ, rút đơn khởi kiện, cán bộ trung tâm thẻ cũng đồng ý nhưng chỉ nói miệng, không có làm giấy tờ gì cho ông về nội dung này và đến nay ông cũng không có tiền trả cho Ngân hàng. Ông biết quy định về sử dụng là nếu quá 45 ngày kể từ ngày sử dụng tiền trong thẻ tín dụng của Ngân hàng chốt số tiền nợ là ngày 22/8/2013 đến nay ông không trả nợ cho Ngân hàng vì thấy Ngân hàng không có liên lạc gì với ông.

Ông chỉ đồng ý có nợ Ngân hàng số tiền gốc là 13.065.352 đồng và đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền này. Về việc Ngân hàng yêu ông trả số tiền lãi quá hạn tính từ ngày chốt nợ đến ngày 22/10/2017 là 21.376.490 đồng thì ông không đồng ý, ông chỉ trả cho Ngân hàng một khoản tiền lãi quá hạn là 1.934.648 đồng. Như vậy, tổng cộng ông đồng ý trả cho Ngân hàng cả tiền gốc và tiền lãi là 15.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 141/2018/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện G đã quyết định như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn ông Đặng Thế P.

Buộc ông Đặng Thế P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền là 34.441.842 đồng (ba mươi bốn triệu bốn trăm bốn mươi một nghìn tám trăm bốn mươi hai đồng) trong đó số tiền gốc là: 13.065.352 đồng (mười ba triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn ba trăm năm mươi hai đồng), tiền lãi quá hạn tính từ ngày 22/9/2013 đến ngày 22/10/2017 là 21.376.490 đồng (hai mươi một triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn bốn trăm chín mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 22/10/2017, ông Đặng Thế P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn mà các bên đã thỏa thuận là 3,225% cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo bản án, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/11/2018, bị đơn ông Đặng Thế P kháng cáo yêu cầu sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 141/2018/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện G, ông chỉ đồng ý trả cho ngân hàng số tiền 13.065.352 đồng và không đồng ý trả tiền lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Hai bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về tố tụng: Người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Các đương sự thống nhất việc hai bên có ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng cũng như đồng ý bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng vào ngày 06/01/2012. Theo đó, số tiền được vay sử dụng trong thẻ tín dụng có hạn mức là 12.000.000 đồng. Mức lãi suất giữa ông P và Ngân hàng thỏa thuận khi làm thẻ tín dụng gồm lãi suất trong hạn là 2,15% lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn, được tính là 3,225%. Ông P thừa nhận vào ngày 22/8/2013 Ngân hàng chốt số tiền nợ của ông là 13.065.352 đồng và yêu cầu ông trả tiền nhưng ông xin trả dần, lúc đó

phía ngân hàng và ông chưa thống nhất được phương thức trả nợ và hai bên không liên hệ với nhau cho đến khi Ngân hàng khởi kiện. Cho đến nay, ông chưa trả 13.065.352 đồng và tiền lãi cho Ngân hàng, đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh được quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Ông P và Ngân hàng thống nhất về nợ gốc và mức lãi suất nợ quá hạn nhưng ông P chỉ đồng ý trả cho Ngân hàng nợ gốc là 13.065.352 đồng và một khoản tiền lãi là 1.934.648 đồng, tổng cộng là 15.000.000 đồng. Ngân hàng không đồng ý theo ý kiến của ông P. Căn cứ mục Cam kết tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng có nội dung “Bằng việc ký vào mẫu đơn này, tôi/chúng tôi xác nhận rằng tôi/chúng tôi đã đọc và đồng ý bị ràng buộc bởi Điều khoản và Điều kiện của Thẻ tín dụng S”. Tại Điều 22 Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại Cổ phần S quy định “Lãi suất được tính từ ngày giao dịch cho đến ngày việc thanh toán được thực hiện đầy đủ”.

Vì vậy, ngày 22/8/2013 các khoản nợ của ông P đến hạn trả nhưng ông P không trả là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng việc Ngân hàng áp dụng lãi suất quá hạn đối với khoản nợ của ông P là phù hợp với thỏa thuận ban đầu. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn khởi kiện buộc ông P phải trả nợ gốc là 13.065.352 đồng và trả lãi quá hạn tính từ ngày 22/9/2013 đến ngày 22/10/2017 theo lãi suất quá hạn hai bên đã thỏa thuận là 3,225% số tiền lãi được tính là 21.376.490 đồng, tổng cộng 34.441.842 đồng. Đồng thời, ông P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán phát sinh từ ngày tiếp theo của ngày 22/10/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc, theo mức lãi suất quá hạn mà các bên đã thỏa thuận là 3,225% là phù hợp. Từ những nhận định trên, do bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 141/2018/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện G, đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông P phải chịu án phí là 1.722.092 đồng.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 861.000 đồng theo biên lai thu số 0013725 ngày 29/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông P phải chịu án phí là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0021379 ngày 30/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Thế P;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 141/2018/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn ông Đặng Thế P.

Buộc ông Đặng Thế P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền là 34.441.842 đồng (ba mươi bốn triệu bốn trăm bốn mươi một nghìn tám trăm bốn mươi hai đồng) trong đó số tiền gốc là: 13.065.352 đồng (mười ba triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn ba trăm năm mươi hai đồng), tiền lãi quá hạn tính từ ngày 22/9/2013 đến ngày 22/10/2017 là 21.376.490 đồng (hai mươi một triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn bốn trăm chín mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 22/10/2017, ông Đặng Thế P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn mà các bên đã thỏa thuận là 3,225% cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đặng Thế P phải chịu án phí là 1.722.092 đồng (một triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn không trăm chín mươi hai đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 861.000 đồng (tám trăm sáu mươi một nghìn đồng) theo biên lai thu số 0013725 ngày 29/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đặng Thế P phải chịu án phí là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0021379 ngày 30/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Phòng KT-NV;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hương

